

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 04/2020/HSST
Ngày: 25/02/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn sự
2. Ông Lục Đại Cương

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Trung - Kiểm sát viên

Vào hồi 08 giờ ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh hóa, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 02/2020/HSST ngày 10/02/2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HS ngày 12/02/2020 đối với bị cáo:

Đới Văn D, Sinh năm 1992 tại: xã Yên L, huyện Như T, Thanh Hóa; Nơi ĐKKTT: Thôn Đồng Y, xã Yên L, huyện Như T, tỉnh Thanh Hóa;
Chỗ ở hiện nay: Thôn Đồng Y, xã Yên L, huyện Như T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam; Con ông: Đới Văn T – Sinh năm 1959; Con bà: Phạm Thị T – Sinh năm 1959;

Tiền án: Ngày 24/6/2019 bị TAND huyện Nông Cống xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/01/2020, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Trịnh Duy N, Sinh năm 1993 tại: xã Vạn T, huyện Nông C, Thanh Hóa; Nơi ĐKKTT: Thôn Lăng T, xã Vạn T, huyện Nông C, tỉnh Thanh Hóa;
Chỗ ở hiện nay: Thôn Lăng T, xã Vạn T, huyện Nông C, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam; Con ông: Trịnh Duy X – Sinh năm 1957; Con bà: Lê Thị L – Sinh năm 1959;

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Trần Văn T, Sinh năm 1988 tại: xã Vạn T, huyện Nông C, Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT: Thôn Tân S, xã Vạn T, huyện Nông C, tỉnh Thanh Hóa;

Chỗ ở hiện nay: Thôn Tân S, xã Vạn T, huyện Nông C, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam; Con ông: Trần Văn P – Sinh năm 1965; Con bà: Mai Thị N - Sinh năm 1965; Có vợ: Nguyễn Thị H – Sinh năm 1991; Bị cáo có 01 con sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại: Ông Đặng Hùng L – Sinh năm 1955 (Vắng mặt)

Trú tại: Phố Tân H, Phường Đông H, TP. Thanh hóa, tỉnh Thanh hóa.

***Người làm chứng:**

1. Nguyễn Văn Q – Sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn Nhuệ T, xã Vạn T, huyện Nông C, tỉnh Thanh hóa.

2. Hoàng Ngọc H – Sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn Đồng T, xã Vạn T, huyện Nông C, tỉnh Thanh hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 02/01/2020, Đới Văn D SN 1992 trú tại thôn Đồng Y, xã Yên L, huyện Như T đi xe khách từ Hà Nội về Thanh Hóa. Lúc này, do trong người không còn tiền nên D đã nảy sinh ý định khi xuống xe sẽ tìm cách cướp tài sản. D đã giấu sẵn con dao (loại dao thái inox) nhặt được từ mấy ngày trước đó tại thị trấn Nông C mang trong người. Đến khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày D xuống xe tại ngã tư BigC ở Thành phố Thanh Hóa. Lúc này ông Đặng Hùng L SN 1955 trú tại Phường Đông H, TP. Thanh Hóa làm nghề xe ôm, điều khiển xe Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát 36B3-158.86 đã lại mời D đi xe. Thấy ông L đã cao tuổi, chiếc xe của ông L còn mới nên D đã quyết định chọn thuê ông L chở về dốc Phúc Đ, huyện Như T để thực hiện hành vi cướp tài sản. Hai bên thống nhất tiền công là 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng). Khoảng 20 giờ 30 phút khi chở D đến đỉnh dốc nối liền hai xã Xuân P và Yên L thuộc địa phận thôn Tiên T, xã Xuân P, huyện Như T, thấy đường vắng lại không có người nên ông L nghi ngờ và không chở D đi tiếp nữa. Lấy lý do xe sắp hết xăng, ông L yêu cầu D xuống xe và thanh

toán tiền. D đã đề nghị ông L chở thêm một đoạn nữa nhưng ông L nhất quyết không đi và đòi tiền để về. Ngay lúc đó D đã nhanh tay rút chìa khóa xe của ông L và nói “Ông muốn về thì để lại xe cho tôi”, đồng thời rút con dao thủ sẵn trong người ra đe dọa ông L. D nói “Ông muốn về tôi gọi taxi cho về, còn xe ông để lại đây cho tôi”, đồng thời D dắt xe đi. Biết việc ngăn D cướp xe có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, ông L đã xin D lấy đồ đạc trong cốp xe, D mở cốp xe lấy đồ cho ông L rồi dắt xe đi. Lúc này ông L túm xe giằng giật lại với D, D dùng dao chỉ thẳng vào mặt ông L nói “Ông không thả ra là tôi xiên ông chết”, do sợ hãi ông L đành phải thả xe cho D. Sau khi cướp được xe D lên xe nổ máy và chạy về hướng Ủy ban nhân dân xã Xuân P; trong lúc vội vàng đã đánh rơi chiếc dép bên trái lại hiện trường. Chạy được một đoạn 500 mét D vứt con dao vào bên phải đường theo hướng đi của mình rồi chạy thẳng về xã Vạn Hòa, Nông C. Ông Đặng Hùng L đã nhặt chiếc dép D đánh rơi lên giao nộp và báo cáo sự việc với CQ CSĐT Công an huyện Như Thanh.

Khoảng hơn 21h thì D chạy xe đến quán sửa xe của Trần Văn T ở thôn Đồng T, xã Vạn Hòa mục đích để bán chiếc xe vừa cướp được cho T. Tại đây D đã gặp Trần Văn T, Trịnh Duy N SN 1997 cùng trú thôn Lãng T, xã Vạn T và Nguyễn Văn Q trú ở thôn Nhuệ T, xã Vạn T là bạn của T sau khi uống rượu xong thì đang ngồi uống nước chè với nhau. D vào hỏi trong quán “có mua xe không”, T chưa trả lời thì N hỏi “bán bao nhiêu”, D nói là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Lúc này T nói “dưới hai triệu”. Nghe vậy thì D không đồng ý bán và định bỏ đi, nhưng N chạy ra giữ lại xem và hỏi xe có giấy tờ không, D nói là “xe không có giấy tờ nhưng muốn có thì photo được”. Sau đó N và D thỏa thuận và N đồng ý mua xe với giá 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng). Quá trình thỏa thuận mua xe N có hỏi D “xe ở đâu mà không có giấy tờ”, D trả lời “xe vừa lấy trên Như T”. Việc mua bán và trao đổi của N và D thì Q và T đều nghe và chứng kiến. N lấy giấy cho D viết nội dung mua bán xe cho N và mượn điện thoại T chụp ảnh D. Sau khi mua bán xong D đã nhờ anh Hoàng Ngọc H SN 1983 trú tại thôn Đồng Tho, xã Vạn T, Nông C là chỗ quen biết với D chở đi mua dép và đi ăn đêm trong quá trình đi với nhau, H có hỏi D là xe ở đâu thì D nói “xe trên Như T”, và cả hai không bàn luận gì thêm sau đó D bắt xe đi Hà Nội. Đến ngày 05/01/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Thanh triệu tập D đến trụ sở làm việc. Ngày 06/01/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Thanh bắt tạm gia thời hạn 04 tháng đối với Đối Vãn D.

Về phía Trịnh Duy N, sau khi mua xe xong N đã đem chiếc xe đó về nhà cất giấu nhằm mục đích tìm nơi tiêu thụ bán lấy tiền chênh lệch. Sáng ngày 03/01/2020 T điện thoại cho N hỏi chiếc xe đâu thì N trả lời đang cất giấu tại nhà N, sau đó N đã đến nhà T. T nói với N giờ không có giấy tờ không thể bán được đồng thời bảo N về

mang xe xuống chỗ T. N đi về nhà lấy xe xuống hiệu sửa xe của T. Biết là xe gian, T đã bảo N bán lại chiếc xe đó cho T với giá 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) bớt 100.000đ (một trăm nghìn đồng) để N tháo phụ tùng bán kiếm lời. Sau khi thỏa thuận xong, T đã mang chiếc xe xuống bếp nhà mình tháo biển số, đèn trợ sáng và phần yếm chắn gió phía trước của chiếc xe nhằm mục đích là tránh sự phát hiện của lực lượng Công an. Sau khi tháo xong T mang chiếc xe đó ra quầy sửa xe và tiếp tục tháo các bộ phận khác thì bị lực lượng công an phát hiện tạm giữ chiếc xe đồng thời triệu tập T và N về trụ sở làm việc. Tại CQ CSĐT Công an huyện Như Thanh, Trần Văn T và Trịnh Duy N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Sau khi tiếp nhận báo cáo vụ việc của bị hại ông Đặng Hùng L, Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Thanh đã phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh tiến hành khám nghiệm hiện trường và đã phát hiện, thu giữ 01 (một) con dao nhọn dài 28 cm cán dao bằng gỗ. Quá trình điều tra xác định con dao thu được tại hiện trường là công cụ mà Đới Văn D dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

Ngày 09/01/2020 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Như T đã có kết luận chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát 36B3-158.86 tại thời điểm bị cướp có giá trị là 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với Nguyễn Văn Q không tham gia, giao dịch gì về việc mua bán xe giữa D và Trịnh Duy N, Trần Văn T nên CQ CSĐT Công an huyện Như Thanh không có cơ sở xử lý đối với Q.

***Về vật chứng của vụ án**

- Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Thanh đã thu giữ 01 (một) con dao nhọn dài 28 cm cán dao bằng gỗ, 01 (một) chiếc dép nhựa mà trắng loại dép tổ ong. Quá trình điều tra xác định con dao thu được tại hiện trường là công cụ mà Đới Văn D dùng để thực hiện hành vi phạm tội; chiếc dép tổ ong là của Đới Văn D đánh rơi trong quá trình tẩu thoát. Hiện số vật chứng trên đã được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Như hanh, chờ xử lý.

- Quá trình điều tra đã thu giữ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát 36B3-158.86 là chiếc xe tang vật của vụ án. Sau khi tiến hành định giá tài sản, bị hại có đơn xin nhận lại tài sản nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Thanh đã trả lại chiếc xe nói trên cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

- Đối với điện thoại Vivo màu vàng thu giữ của Trần Văn T và Iphone 6 màu vàng của Trịnh Duy N, quá trình điều tra xác định các bị can không sử dụng điện thoại nói trên vào việc phạm tội nên CQ CSĐT Công an huyện Như Thanh đã trả lại cho chủ sở hữu.

- Về phần dân sự:

Sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt ông Đặng Hùng L không yêu cầu và đề nghị gì về phần đền bù dân sự.

Tại bản cáo trạng số 03/CT- VKS, ngày 06 tháng 02 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh truy tố bị cáo Đới Văn D về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015; Các bị cáo Trịnh Duy N và Trần Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm s khoản 1 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; Điều 38; điều 55; 56; khoản 5 điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đới Văn D. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 8 đến 9 năm tù về tội cướp tài sản; tổng hợp với 12 tháng tù cho hưởng án treo tại bản án số 32/2019/HSST ngày 24/6/2019 của TAND huyện Nông C, tỉnh Thanh hóa buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là từ 9 đến 10 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với hai bị cáo Trịnh Duy N và Trần Văn T. Đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ 06 đến 09. tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

** Về tang vật: Áp dụng khoản 1 điều 47 BLHS; khoản 2; điểm a, b khoản 3 điều 106 BLTTHS:*

Đề nghị HĐXX chấp nhận việc trong giai đoạn điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện Như Thanh đã trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát 36B3-158.86 là tang vật của vụ án cho chủ sở hữu là ông Đặng Hùng L trú tại Trú tại: Phố Tân H, Phường Đông H, TP. Thanh hóa, tỉnh Thanh hóa.

Trả lại chiếc điện thoại Vivo màu vàng cho Trần Văn T và chiếc điện thoại Iphone 6 màu vàng cho Trịnh Duy N vì không liên quan đến việc phạm tội.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao nhọn dài 28 cm cán dao bằng gỗ, 01 (một) chiếc dép nhựa màu trắng loại dép tổ ong. Quá trình điều tra xác định con dao thu được tại hiện trường là công cụ mà Đới Văn D dùng để thực hiện hành vi phạm tội; chiếc dép tổ ong của Đới Văn D đánh rơi trong quá trình tẩu thoát mà Cơ quan điều tra thu giữ được.

Hiện số vật chứng trên đã được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Như T, chờ xử lý.

** Về phần trách nhiệm dân sự:*

Đề nghị HĐXX công nhận việc ông Đặng Hùng L không yêu cầu gì về phần

đền bù dân sự đối với các bị cáo và các bị cáo không có yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự.

** Về hình phạt bổ sung:*

Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Trần Văn T.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Đới Văn D; Trịnh Duy N vì các bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn, không có công việc làm ổn định.

** Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.*

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Thanh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở để kết luận:

Do đã có ý định cướp tài sản của người khác từ trước vì đã hết tiền và muốn có tiền ăn tiêu, bị cáo Đới Văn D đã thủ sẵn dao nhọn trong người, chọn phương án thuê xe ôm đi từ thành phố Thanh hóa về xã Phúc Đ, huyện Như T mà không thuê taxi, bị cáo chọn người lái xe ôm cao tuổi và chiếc xe còn mới. Việc chỉ đường cho người bị hại đi vào khu vực rừng núi vắng vẻ, không phải đường về nhà để dễ cướp tài sản. Sau đó, vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 02/01/2020 khi đến Thôn Tiên Thắng, xã Xuân P, huyện Như T, Đới Văn D đã có hành vi dùng con dao giấu sẵn trong người từ trước để uy hiếp, đe dọa nhằm chiếm đoạt tài sản là chiếc xe máy Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát 36B3-158.86 của ông Đặng Hùng L.

Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe mô tô của ông L, Đới Văn D đã mang đến

quán sửa xe của Trần Văn T trú tại: Thôn Tân S, xã Vạn T, huyện Nông C, tỉnh Thanh Hóa để bán; tại đây D đã gặp và Trần Văn T, Trịnh Duy N có trao đổi với nhau về việc mua bán chiếc xe mô tô kiểm soát 36B3-158.86. D đã nói cho T, N biết chiếc xe này do D lấy trên Như T, không có giấy tờ và bán với giá là 2.500.000đ. Sau khi thỏa thuận D đã bán chiếc xe máy vừa cướp được cho Trịnh Duy N với giá 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) và sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc tiêu xài cá nhân.

Đến sáng ngày 03/01/2020 sau khi biết N chưa tiêu thụ được chiếc xe đó Trần Văn T đã hỏi mua lại với giá 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) mục đích là để tháo rời các phụ tùng để bán kiếm lời. Sau khi mua xe của N, T đã tháo các bộ phận gồm: biển kiểm soát, yếm chắn gió phía trước, đèn trợ sáng, gương chiếu hậu mục đích là để che dấu nguồn gốc chiếc xe. Sau đó, T tiếp tục tháo các bộ phận khác, khi vừa tháo được chiếc bánh trước của xe thì bị lực lượng công an phát hiện và thu giữ.

Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm sát 36B3-158.86 theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tại thời điểm bị cướp có chiếc xe có giá trị là 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Hành vi dùng dao nhọn đe dọa người khác vào thời điểm đêm tối và tại khu vực rừng núi vắng vẻ không có người qua lại nhằm chiếm đoạt tài sản của bị cáo Đới Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”. Theo qui định tại điểm d khoản 2 điều 168 của BLHS 2015.

Khoản 1 Điều 168 của BLHS qui định: Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

Khoản 2: Phạm tội thuộc 1 trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 đến 15 năm.

Điểm d: Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác.

Hành vi mua bán, tiêu thụ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát 36B3-158.86 của Trịnh Duy N, Trần Văn T khi biết rõ đây là tài sản do Đới Văn D phạm tội mà có đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 điều 323 của BLHS.

Khoản 1 Điều 323 của BLHS quy định: Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản mà biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm

hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

VKSND huyện Như T truy tố bị cáo Đới Văn D về tội “ Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 168 của BLHS; Truy tố các bị cáo Trịnh Duy N, Trần Văn T về tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 điều 323 của BLHS là đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về hành vi cướp tài sản của Đới Văn D: Bị cáo đã có ý định cướp tài sản của người khác từ trước, việc chuẩn bị công cụ, hung khí, lựa chọn đối tượng, thời gian và địa điểm phạm tội và mọi diễn biến của sự việc đều nằm trong tính toán kế hoạch của bị cáo. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn, gây dư luận xấu trong nhân dân, thể hiện sự coi thường pháp luật, do đó cần phải xử lý kịp thời, nhanh chóng và áp dụng mức hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội, để có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời là bài học răn đe phòng ngừa chung.

Về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Trần Văn T và Trịnh Duy N: Cả N và T đều được Đới Văn D cho biết chiếc xe Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát 36B3-158.86 do D lấy trên huyện Như T, các bị cáo đã biết rõ và buộc phải biết đây là tài sản do D phạm tội mà có nH bị cáo N vì ham lợi, giá rẻ nên vẫn mua nhằm bán lại kiếm lời, khi không tiêu thụ được đã bán cho T, T biết rõ là xe gian dối nH vẫn mua lại và tháo rời các bộ phận của xe để dễ bề tiêu thụ và xóa dấu tích chiếc xe. Hành vi của các bị cáo đã gián tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp tài sản của người khác, tiếp tay cho các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu phát triển, gây khó khăn cho việc phát hiện ngăn chặn tội phạm làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự chung, vi phạm pháp luật hình sự do vậy cần phải xử lý nghiêm minh nhằm dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời là bài học răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi áp dụng mức hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Đới Văn D có 01 tiền án vào ngày 24/6/2019 bị cáo bị TAND huyện Nông C, tỉnh Thanh hóa xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng, phạm tội lần này là “ Tái phạm” đây là tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định tại điểm h khoản điều 52 của BLHS; vì phạm tội trong thời gian thử thách nên bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước theo quy định của khoản 5 điều 65 của BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra, các bị cáo đều

thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, vì vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Các bị cáo Trần Văn T, Trịnh Duy N đều chưa có tiền án, tiền sự. Phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

[4] Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi, nhân thân bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng bị cáo Đới Văn D phạm tội trong thời gian thử thách, là tái phạm thể hiện sự coi thường pháp luật, không tu dưỡng rèn luyện do vậy cần cách ly bị cáo Đới Văn D khỏi xã hội một thời gian đủ để giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân có ích.

Đối với các bị cáo Trần Văn T, Trịnh Duy N xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương có sự giám sát của chính quyền và gia đình cũng đủ cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt và cũng phù hợp với Nghị quyết 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 65 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Trần Văn T.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo Đới Văn D, Trịnh Duy N vì hoàn cảnh của bị cáo rất khó khăn, khả năng lao động có phần hạn chế có xác nhận của chính quyền địa phương.

[6] Về tang vật: Hội đồng xét xử thấy rằng:

Việc Cơ quan điều tra Công an huyện Như Thanh đã trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát 36B3-158.86 là tang vật của vụ án cho chủ sở hữu là ông Đặng Hùng L trú tại Trú tại: Phố Tân H, Phường Đông H, TP. Thanh hóa, tỉnh Thanh hóa trong giai đoạn điều tra là đúng quy định tại khoản 2 điều 47 của BLHS; điểm b khoản 3 điều 106 của BLTTHS.

Trả lại chiếc điện thoại Vivo màu vàng cho Trần Văn T và chiếc điện thoại Iphone 6 màu vàng cho Trịnh Duy N vì không liên quan đến việc phạm tội là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 điều 106 của BLTTHS.

Căn cứ khoản 1 điều 47 của BLHS và điểm c khoản 1 điều 106 của BLTTHS; Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao nhọn dài 28 cm cán dao bằng gỗ, 01 (một) chiếc dép nhựa màu trắng loại dép tổ ong là công cụ, vật chứng mà Đới Văn D dùng để thực hiện hành vi phạm tội vì không có giá trị sử dụng.

Toàn bộ vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như T theo biên bản giao nhận vật chứng số: 06/2020/TV-THADS ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa Công an huyện Như Thanh và Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Như T.

[7] Về phân trách nhiệm dân sự:

HĐXX công nhận việc ông Đặng Hùng L không yêu cầu và đề nghị gì về phân đền bù dân sự đối với các bị cáo và các bị cáo không có yêu cầu gì về phân trách nhiệm dân sự.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm d khoản 2 điều 168; các điểm s khoản 1 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; Các điều 38; 55; 56; khoản 5 điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Đới Văn D phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt: Đới Văn D 8 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp với 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tại bản án số 32/2019/HSST ngày 24/6/2019 của TAND huyện Nông C, tỉnh Thanh hóa buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 9 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 06/01/2020.

Căn cứ: Khoản 1 điều 323; các điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Trần Văn T, Trịnh Duy N.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T, Trịnh Duy N phạm tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt: Trần Văn T 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Trịnh Duy N 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trịnh Duy N, Trần Văn T cho UBND xã Vạn T, huyện Nông C, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng: Khoản 5 điều 323 của BLHS đối với Trần Văn T; Phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Trần Văn T. Phạt bị cáo 07 (Bảy) triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS; điểm c khoản 1; điểm a, b khoản 3 Điều 106 BLTTHS (năm 2015).

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện Như Thanh đã trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát 36B3-158.86 là tang vật của vụ án cho chủ sở hữu là ông Đặng Hùng L trú tại Trú tại:

Phổ Tân H, Phường Đông H, TP. Thanh hóa, tỉnh Thanh hóa trong giai đoạn điều tra. Trả lại chiếc điện thoại Vivo màu vàng cho Trần Văn T và chiếc điện thoại Iphone 6 màu vàng cho Trịnh Duy N vì không liên quan đến việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao nhọn dài 28 cm cán dao bằng gỗ, 01 (một) chiếc dép nhựa màu trắng loại dép tổ ong là công cụ, vật chứng mà Đới Văn D dùng để thực hiện hành vi phạm tội vì không có giá trị sử dụng.

Toàn bộ vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như T theo biên bản giao nhận vật chứng số: 06 /2020/TV-THADS ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa Công an huyện Như Thanh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như T.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận việc người bị hại ông Đặng Hùng L không yêu cầu các bị cáo đền bù trách nhiệm dân sự và các bị cáo không có yêu cầu gì về phân trách nhiệm dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đới Văn D, Trần Văn T, Trịnh Duy N. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại điều 92 Luật THA hình sự (2019).

Bị cáo được hưởng án treo trong thời gian thử thách cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại điều 56 của BLHS.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Như T;
- Công an huyện Như Thanh;
- Bị cáo;
- Thi hành án (để thi hành);
- Phòng GDKT TAND tỉnh
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Q

